

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày 25-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N4.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, TP . Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Ngọc T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N4 – Chi nhánh thị xã V. Địa chỉ: Số D đường N, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Thạch Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: số nhà D ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Thạch Ú, sinh năm 1956 (vắng mặt)

+ Anh Thạch N1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

+ Anh Thạch N2, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số nhà D ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/12/2017, Ngân hàng N4 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng với bà Thạch Thị N đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201701169/HĐTD. Theo Hợp đồng, Ngân hàng N4 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho bà Thạch Thị N vay số tiền 100.000.000 đồng; mục đích vay là nuôi tôm; lãi suất trong hạn 10.5%/năm; thanh toán trả lãi hàng quý; trả nợ một lần khi đến hạn, thời hạn vay là 36 tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà Thạch Thị N đã tự nguyện giao cho ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 658773 (không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản), có diện tích 15.500m² thuộc thửa đất số 689, 1052; tờ bản đồ số 01; tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã V.

Ngân hàng N4 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng, yêu cầu bà nang thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201701169/HĐTD ngày 06/12/2017. Tuy nhiên, tính đến nay, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N4, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N4, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 25/3/2024, tổng nợ của Thạch Thị N đối với Ngân hàng N4 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là 189.206.250 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 100.000.000đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 60.958.333 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 28.247.917 đồng.

Nay Ngân hàng N4 yêu cầu Tòa án buộc bà Thạch Thị N cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ú (chồng bà N) liên đới thanh toán cho Ngân hàng N4 toàn bộ số tiền nêu trên là: 189.206.250 đồng. Trong đó nợ gốc: 100.000.000nợ lãi trong hạn là 60.958.333 đồng và nợ lãi quá hạn là 28.247.917 đồng.

Vợ chồng bà Thạch Thị N, ông Thạch Ú còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201701169/HĐTD ngày 06/12/2017 đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ. Sau khi bà N thanh toán xong nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại cho bà N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 658773, có diện tích 15.500m² thuộc thửa đất số 689 và thửa 1052, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện V (Nay là UBND thị xã V) cấp cho hộ Thạch Thị N ngày 20/9/1997.

Tại phiên hòa giải ngày 29/02/2024, bị đơn bà Thạch Thị N trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng N4.

Bà thừa nhận bà và ông Thạch Ú (chồng của bà N) còn nợ Ngân hàng N4 đến tính đến ngày 29/02/2024 số tiền là 188.112.500 đồng. Trong đó, nợ gốc: 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 60.229.167 đồng và nợ lãi quá hạn là 27.883.333 đồng.

Hiện nay, do hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng bà thanh toán số nợ trên với thời gian và phương thức thanh toán như sau: vợ chồng bà sẽ trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng mỗi năm cho đến khi dứt số nợ gốc, và đề nghị Ngân hàng xem xét giảm bớt một phần tiền lãi để vợ chồng tôi thu xếp trả từ từ.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý theo phương án thanh toán mà bị đơn bà Thạch Thị N đưa ra và yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng n theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Thạch Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch Ú, anh Thạch N1 và anh Thạch N2 là chồng và các con của bà N đều vắng mặt đến lần thứ hai nhưng không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định.

[4] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Vào ngày 06/12/2017, bà Thạch Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201701169/HĐTD với Ngân hàng N4 (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng. Cách thức thanh toán nợ là trả lãi hàng quý, trả nợ một lần khi đến hạn. Xét thấy, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 05/12/2020 là đợt cuối cùng để bà N thanh toán nợ gốc nhưng bà N không thực hiện nên bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số SỐ_HĐTD" 7606-LAV-201701169/HĐTD ngày 06/12/2017 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên việc Ngân hàng khởi

kiện đề nghị Tòa án buộc bà Thạch Thị N và ông Thạch Ú (chồng bà N) phải liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Ngân hàng N4 yêu cầu bà N và ông Ú (chồng bà N) có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền lãi trong hạn 60.958.333 đồng, thời hạn từ 06/7/2018 đến 25/3/2024 với mức lãi suất là 10.5%/năm (0,875%/tháng); lãi quá hạn 28.247.917 đồng, thời hạn từ 06/12/2018 đến 25/3/2024 với mức lãi suất là 15,75%/năm (1,3125/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N5 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng N5 có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này...”. Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201701169/HĐTD ngày 06/12/2017 thì Ngân hàng và bà N thỏa thuận lãi suất cho vay là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 15,75%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền tiền lãi vay mà vợ chồng bà N, ông Ú phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng là: 89.206.250 đồng.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 658773, có diện tích 15.500m² thuộc thửa đất số 689 và thửa 1052, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện V (Nay là UBND thị xã V) cấp cho hộ Thạch Út ngày 27/12/1996, khi vay vốn bà N có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu cho Ngân hàng để làm tin trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bà N, ông Ú cũng không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Thạch Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ú (chồng bà N) ông không phải chịu án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi (có đơn yêu cầu) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N4, về việc yêu cầu bị đơn bà Thạch Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ú (chồng của bà N) cùng liên đới thanh toán tổng số tiền 189.206.250 đồng. Trong đó nợ gốc: 100.000.000nợ lãi trong hạn là 60.958.333 đồng và nợ lãi quá hạn là 28.247.917 đồng.

- Buộc bị đơn bà Thạch Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ú (chồng của bà N) cùng liên đới thanh toán tổng số tiền 189.206.250 đồng. Trong đó nợ gốc: 100.000.000nợ lãi trong hạn là 60.958.333 đồng và nợ lãi quá hạn là 28.247.917 đồng.

2. Kể từ ngày 26/3/2024, bị đơn bà Thạch Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ú (chồng của bà N) còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng anh T1, chị N3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N4 cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N4.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng N4 không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.510.313 đồng theo biên lai thu số 0008524 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Vợ chồng bà Thạch Thị N, ông Thạch Ú không phải chịu án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua